

Bản án số: 154/2025/HS-PT
Ngày 12/3/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Ý

Các Thẩm phán:

Ông Vương Minh Tâm

Ông Nguyễn Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh:
Ông Lê Tấn Cường - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 12 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 1081/2024/TLPT-HS ngày 01 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo Trần Thanh B và Nguyễn Thị Ng, bị hại Hoàng Thị T do có kháng cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 213/2024/HS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Trần Thanh B, sinh năm 1972 tại Đồng Nai. Tên gọi khác: Không; Nơi thường trú: 186/1A, tổ 19, khu phố 2, phường Tân H, thành phố Biên H, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Ngọc Ngh, sinh năm 1943 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1945; Gia đình có 06 anh em, bị cáo là con thứ tư trong gia đình; Vợ là Nguyễn Thị Thanh Ng, sinh năm 1979; có 02 con chung, lớn nhất sinh năm 2002; nhỏ nhất sinh năm 2005; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt ngày 14/01/2024. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai; có mặt.

2. Nguyễn Thị Thanh Ng, sinh năm 1979, tại Đồng Nai. Tên gọi khác: Không; Nơi thường trú: 186/1A, tổ 19, khu phố 2, phường Tân H, thành phố Biên H, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Quang T, sinh năm 1956 và bà Bùi Thị Bích V, sinh năm 1958; Gia

đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; chồng là Trần Thanh B, sinh năm 1972 có 02 con chung, lớn nhất sinh năm 2002; nhỏ nhất sinh năm 2005; Bị bắt ngày 14/01/2024. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai; có mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo:* Ông Trần Thanh Ph là Luật sư của Công ty Luật TNHH Mỹ Ý, thuộc đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- *Bị hại có kháng cáo:* Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1993. Địa chỉ: Số 22, Ngõ 1, đường Tôn Thất T, khu Hải V, phường Quảng T, thành phố Sầm S, tỉnh Thanh Hóa; có đơn xử vắng mặt.

- *Bị hại có liên quan đến kháng cáo:* Ông Châu Thiệu K, sinh năm 1979. Địa chỉ: 84A/3, khu phố 3, phường Tân H, thành phố Biên H, tỉnh Đồng Nai; có đơn vắng mặt.

Ngoài ra trong vụ án có các bị hại khác không có kháng cáo và liên quan đến kháng cáo nên tòa không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thanh B và Nguyễn Thị Thanh Ng là vợ chồng cùng trú tại 186/1A, khu phố 2, phường Tân H, thành phố Biên H, tỉnh Đồng Nai. Vào năm 2018 vợ chồng Trần Thanh B, Nguyễn Thị Thanh Ng được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất và tài sản gắn liền trên đất sau:

1. Diện tích 75m² đất thuộc thửa số 142, tờ bản đồ 61 phường Tân B, thành phố Biên H, tỉnh Đồng Nai, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 209256 ngày 05/7/2018.

2. Diện tích 75m² đất thuộc thửa số 199, tờ bản đồ 61 phường Tân B, thành phố Biên H, tỉnh Đồng Nai, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 914277. Nhưng ngày 02/7/2018, vợ chồng Trần Thanh B đã chuyển nhượng cho bà Đinh Thị Hồng V, sinh năm 1977, thường trú tại 118/1, khu phố 7, phường Tam H, thành phố Biên H, tỉnh Đồng Nai, được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai xác nhận trên trang 4 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CA 914277 ngày 07/7/2018.

3. Diện tích 130,3m² đất thuộc thửa số 38, tờ bản đồ 62 phường Tân B, thành phố Biên H, tỉnh Đồng Nai, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 130320. Nhưng ngày 05/01/2019, vợ chồng Trần Thanh B đã chuyển nhượng cho bà Lê Thị Như Q, sinh năm 1977, thường trú tại 79, tổ 10, xóm 2, ấp Thái H, xã Hồ N 3, huyện Trảng B, tỉnh Đồng Nai, được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai xác

nhận trên trang 4 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CP 130320 ngày 27/8/2018.

4. Diện tích 186,7m² đất thuộc thửa số 167, tờ bản đồ 62 phường Tân B, thành phố Biên H, tỉnh Đồng Nai, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 130319. Nhưng ngày 05/01/2019, vợ chồng Trần Thanh B đã chuyển nhượng cho bà Lê Thị Như Q, sinh năm 1977, thường trú tại 79, tổ 10, xóm 2, ấp Thái H, xã Hố N 3, huyện Trảng B, tỉnh Đồng Nai, được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai xác nhận trên trang 4 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CP 130320 ngày 27/8/2018.

5. Diện tích 80,2m² đất thuộc thửa số 188, tờ bản đồ 39 phường Tân H, thành phố Biên H tỉnh Đồng Nai, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 771395. Nhưng ngày 10/01/2019, vợ chồng Trần Thanh B đã chuyển nhượng cho bà Lê Thị Như Q, sinh năm 1977, thường trú tại 79, tổ 10, xóm 2, ấp Thái H, xã Hố N 3, huyện Trảng B tỉnh Đồng Nai, được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai xác nhận trên trang 4 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CO 771395 ngày 01/8/2018.

Do cần tiền để trả các khoản vay và tiêu xài cá nhân nên Nguyễn Thị Thanh Ng đã lên mạng xã hội facebook (không nhớ tên tài khoản) đặt làm giả 11 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất gồm:

- 05 (năm) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 209256, đối với thửa đất số 142, tờ bản đồ 61 phường Tân B, thành phố Biên H, tỉnh Đồng Nai;

- 02 (hai) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 914277, đối với thửa đất số 199, tờ bản đồ 61 phường Tân B, thành phố Biên H, tỉnh Đồng Nai;

- 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 130319, đối với thửa đất số 167 tờ bản đồ số 62 phường Tân H, thành phố Biên H, tỉnh Đồng Nai;

- 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 130320, đối với thửa đất số 38 tờ bản đồ số 62 phường Tân H, thành phố Biên H, tỉnh Đồng Nai;

- 02 (hai) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 771395, đối với thửa đất số 188 tờ bản đồ số 39 phường Tân H, thành phố Biên H, tỉnh Đồng Nai;

Sau khi nhận các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả này, trong thời gian từ ngày 06/7/2018 đến

ngày 05/10/2018 Trần Thanh B và Nguyễn Thị Thanh Ng đã nhiều lần thỏa thuận thế chấp các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này bằng hợp đồng sang nhượng quyền sử dụng đất nhưng không trả lãi hoặc trả ít để chiếm đoạt 19.710.000.000 đồng của anh Phan Ngọc Th, chị Vũ Thị N, chị Hoàng Thị T, chị Nguyễn Thị Bạch T, anh Châu Thiếu K, cụ thể như sau.

1. Chiếm đoạt 5.000.000.000 đồng của anh Phan Ngọc Th, sinh năm 1965, thường trú tại số 322, tổ 7, khu phố 1, phường Tân H, thành phố Biên H, tỉnh Đồng Nai:

Trong thời gian từ ngày 06/7/2018 đến ngày 05/10/2018, Trần Thanh B và Nguyễn Thị Thanh Ng đã ba lần chiếm đoạt 5.000.000.000 đồng của anh Phan Ngọc Th bằng thủ đoạn thỏa thuận thế chấp quyền sử dụng đất để vay. Hai bên thỏa thuận ký hợp đồng sang nhượng quyền sử dụng đất, thời hạn vay 03 tháng lãi suất 02%/tháng, vợ chồng B có thể chuộc lại trong thời hạn 03 tháng nếu quá thời hạn theo thỏa thuận thì anh T sẽ làm thủ tục sang tên đối với các thửa đất này, vợ chồng B, Ng đã trả số tiền 250.000.000 đồng tiền lãi cho anh T sau đó bỏ trốn. Cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 06/7/2018, Trần Thanh B, Nguyễn Thị Thanh Ng ký hợp đồng chuyển nhượng đối với thửa đất số 142, tờ bản đồ số 61 phường Tân B, thành phố Biên H, tỉnh Đồng Nai ghi nhận tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 209256 cho anh Phan Ngọc T, chứng thực tại Văn phòng Công chứng Lê T, địa chỉ: số 1 đường Lê Quý Đ, khu phố 3, phường Tân H, thành phố Biên H, tỉnh Đồng Nai, để chiếm đoạt số tiền 1.700.000.000 đồng.

Lần 2: Ngày 21/8/2018, Trần Thanh B, Nguyễn Thị Thanh Ng ký hợp đồng chuyển nhượng đối với thửa đất số 188, tờ bản đồ số 39 phường Tân H, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai ghi nhận tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 771395 cho anh Phan Ngọc T, chứng thực tại Văn phòng Công chứng Lê T địa chỉ: số 1 đường Lê Quý Đ, khu phố 3, phường Tân H, thành phố Biên H, tỉnh Đồng Nai, để chiếm đoạt số tiền 800.000.000 đồng.

Lần 3: Ngày 05/10/2018, Trần Thanh B, Nguyễn Thị Thanh Ng ký hợp đồng chuyển nhượng đối với thửa đất số 167, tờ bản đồ số 62 phường Tân B, thành phố Biên H, tỉnh Đồng Nai ghi nhận tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 130319, cấp ngày 27/8/2018 và thửa đất số 38, tờ bản đồ số 62 phường Tân B, thành phố Biên H, tỉnh Đồng Nai, ghi nhận tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP130320, cấp ngày 27/8/2018 cho anh Phan Ngọc Th, chứng thực tại Văn phòng Công chứng Lê T địa chỉ: số 1 đường Lê Quý Đôn, khu phố 3, phường Tân H, thành phố Biên H, tỉnh Đồng Nai, để chiếm đoạt số tiền 2.500.000.000 đồng.

2. Chiếm đoạt 1.860.000.000 đồng của chị Vũ Thị N, sinh năm 1983, thường trú tại số 309B, khu phố 5B, phường Tân B, thành phố Biên H, tỉnh Đồng Nai.

Ngày 20/7/2018, Trần Thanh B, Nguyễn Thị Thanh Ng ký Hợp đồng ủy quyền cho chị Vũ Thị N toàn quyền sử dụng đất thửa số 142, tờ bản đồ 61 phường Tân B, thành phố Biên H, tỉnh Đồng Nai, thời hạn ủy quyền 02 năm, ghi nhận tại Giấy chứng nhận số CI 209256 cấp ngày 03/7/2018 (trên thửa đất có căn nhà gồm 01 lầu 01 trệt) cho chị Vũ Thị Nết, chứng thực tại Văn phòng Công chứng Thống Nh địa chỉ: khu phố 2, phường Thống N, thành phố Biên H, tỉnh Đồng Nai, để chiếm đoạt 1.860.000.000 đồng. Đến tháng 5/2019 (không xác định được ngày cụ thể) bà Nết phát hiện Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà B, Ng giao cho mình là giả nên tìm gặp B, Ng để yêu cầu trả lại tiền. B, Ng đã trả lại cho bà N 500.000.000 đồng và 01 xe hàng là đồ gỗ thành phẩm (bàn gỗ, ghế gỗ, tủ gỗ) thỏa thuận trị giá 200.000.000 đồng. Sau đó, B, Ng cắt đứt liên lạc, bỏ đi khỏi địa phương.

3. Chiếm đoạt 1.500.000.000 đồng của chị Hoàng Thị T, sinh năm 1993, thường trú tại G2.08.12A, số 9, Nguyễn Kh, phường 1, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong khoảng thời gian từ ngày 09/7/2018 đến ngày 17/7/2019, Trần Thanh B, Nguyễn Thị Thanh Ng đã chiếm đoạt 1.500.000.000 đồng bằng thủ đoạn thỏa thuận thế chấp quyền sử dụng đất và chuyển nhượng quyền sử dụng đất ghi nhận tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cho chị Hoàng Thị T, cụ thể:

Ngày 09/7/2018, Trần Thanh B, Nguyễn Thị Thanh Ng thỏa thuận vay tiền nhưng ký hợp đồng chuyển nhượng thửa đất số 142, tờ bản đồ số 61 phường Tân B, thành phố Biên H, tỉnh Đồng Nai ghi nhận tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền số CI 209256 cấp ngày 05/7/2018 cho chị Hoàng Thị T, chứng thực tại Văn phòng Công chứng Bình Đa địa chỉ phường Bình Đ, thành phố Biên H, tỉnh Đồng Nai. Khoảng 14 giờ ngày 09/7/2018, chị Hoàng Thị T đến xưởng gỗ của B, Ng thuộc khu phố 2, phường Tân B, thành phố Biên H, tỉnh Đồng Nai để nhận thế chấp tài sản là thửa đất 199 tờ bản đồ 61 phường Tân B, thành phố Biên H, tỉnh Đồng Nai ghi nhận tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền trên số CA 914277, cấp ngày 08/10/2015; thửa đất số 142, tờ bản đồ số 61 phường Tân B, thành phố Biên H, tỉnh Đồng Nai ghi nhận tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 209256, cấp ngày 26/6/2017 cho B, Ng vay 1.500.000.000 đồng, hai bên viết xác nhận.

Do vợ chồng B không trả lãi nên ngày 17/7/2019, chị Tâm đã ủy quyền cho chồng là anh Trần Văn Kh sinh năm 1978, thường trú tại chung cư Galaxy, số 9, đường Nguyễn Khoái, phường 1, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh đến Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai để làm thủ tục sang tên đối với thửa đất 142, tờ bản đồ số 61 phường Tân B, thành phố Biên H, tỉnh Đồng Nai thì cán bộ Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai thông báo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà B, Ng giao là giả.

4. Chiếm đoạt 1.000.000.000 đồng của chị Nguyễn Thị Bạch T, sinh năm 1958, thường trú tại tổ 4, ấp Phước L, xã Phước H, huyện Long Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Ngày 09/7/2018, Trần Thanh B, Nguyễn Thị Thanh Ng ký hợp đồng chuyển nhượng thửa đất số 142, tờ bản đồ số 61 phường Tân B, thành phố Biên H, tỉnh Đồng Nai ghi nhận tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở địa chỉ: ấp Thanh H, xã Hồ N 3, huyện Trảng B, tỉnh Đồng Nai để chiếm đoạt 1.000.000.000 đồng. Khoảng tháng 11/2018 (không xác định được ngày cụ thể) không thấy B, Ng đến trả tiền theo thỏa thuận và không liên hệ được nên chị T đã mang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Hợp đồng sang nhượng đến Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Biên H, tỉnh Đồng Nai làm thủ tục sang tên thì được thông báo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên là giả. Tháng 10/2018 (không xác định ngày cụ thể), B, Ng trả lại 1.000.000.000 đồng cho chị T.

5. Chiếm đoạt 10.350.000.000 đồng của anh Châu Thiệu K, sinh năm 1979, thường trú tại 84A/3, khu phố 3, phường Tân H, thành phố Biên H, tỉnh Đồng Nai.

Trong khoảng ngày 07/7/2018 đến tháng 9/2018, Trần Thanh B, Nguyễn Thị Thanh Ng đã ba lần chiếm đoạt 10.350.000.000 đồng của anh Châu Thiệu K bằng thủ đoạn ký Hợp đồng ủy quyền sử dụng đối với các thửa đất cho anh K để đảm bảo khoản vay. Vợ chồng B, Ng thỏa thuận lãi suất cho vay là 1.5%/01 tháng, thời hạn cho vay 02 tháng, khi hết thời hạn cho vay theo thỏa thuận nếu B, Ng không trả tiền gốc và tiền lãi thì anh K sẽ liên hệ với cơ quan chức năng để đăng ký chuyển nhượng các thửa đất và tài sản gắn liền trên đất đối với đất mà B, Ng đã thế chấp trước đó. Cụ thể:

Lần thứ 1: Vào ngày 07/7/2018, Nguyệt ký hợp đồng ủy quyền toàn quyền sử dụng thời hạn 15 năm đối với thửa đất số 142, tờ bản đồ số 61 phường Tân B, thành phố Biên H, tỉnh Đồng Nai, ghi nhận tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số CI 209256 cấp ngày 03/7/2018 cho anh Châu Thiệu K, chứng thực tại Văn phòng Công chứng Hoàng L địa chỉ: phường Hồ N, thành phố Biên H, tỉnh Đồng Nai để chiếm đoạt 1.900.000.000 đồng.

Lần thứ 2: Ngày 02/8/2018, Nguyệt ký Hợp đồng ủy quyền toàn quyền sử dụng thời hạn 10 năm đối với thửa đất số 188, tờ bản đồ số 39 phường Tân H, thành phố Biên H, tỉnh Đồng Nai, ghi nhận tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số CO771395 cấp ngày 01/8/2018 cho anh K tại Văn phòng Công chứng Hoàng L địa chỉ: phường Hồ N, thành phố Biên H, tỉnh Đồng Nai để chiếm đoạt 3.450.000.000 đồng.

Lần thứ 3: Vào tháng 9/2018 (không xác định được ngày cụ thể) tại nhà của anh K địa chỉ: 84A/3, khu phố 3, phường Tân H, thành phố Biên H, tỉnh Đồng Nai, Trần Thanh B, Nguyễn Thị Thanh Ng thế chấp thửa đất số 199, tờ bản đồ số

61 phường Tân B, thành phố Biên H, tỉnh Đồng Nai ghi nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số CA 914277 cấp ngày 18/8/2017 để chiếm đoạt 5.000.000.000 đồng. Hai bên viết giấy tay việc vay tiền, thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên.

Đến tháng 4/2019 (không xác định được ngày cụ thể) anh Kỳ đã mang 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên và Hợp đồng sang nhượng đến Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Biên H, tỉnh Đồng Nai để làm thủ tục sang tên thì phát hiện 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Bình, Nguyệt đã thế chấp cho mình trước đó là giả nên ông Kỳ đã làm đơn tố giác đến Cơ quan Công an.

Kết quả xác minh tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai.

- Công văn số 5597/VPĐK.BH-TTTL ngày 17/12/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xác định:

+ Thửa số 188, tờ bản đồ 39, toạ lạc tại phường Tân H, thành phố Biên H tỉnh Đồng Nai. Ngày 10/01/2019, đã được ông Trần Thanh B và bà Nguyễn Thị Thanh Ng chuyển nhượng cho bà Lê Thị Như Q, sinh năm 1977, thường trú tại 79, tổ 10, xóm 2, ấp Thái Hòa, xã Hồ N 3, huyện Trảng B, tỉnh Đồng Nai.

+ Thửa số 167, tờ bản đồ 62, toạ lạc tại phường Tân Biên, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai. Ngày 05/01/2019, đã được ông Trần Thanh B và bà Nguyễn Thị Thanh Ng chuyển nhượng cho bà Lê Thị Như Q. Ngày 09/4/2019, bà Q đã chuyển nhượng cho ông Châu Thiếu Kỳ.

+ Thửa số 38, tờ bản đồ 62, toạ lạc tại phường Tân B, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai. Ngày 05/01/2019, đã được ông Trần Thanh B và bà Nguyễn Thị Thanh Ng chuyển nhượng cho bà Lê Thị Như Q. Ngày 09/4/2019, bà Q đã chuyển nhượng cho ông Châu Thiếu K.

+ Thửa số 142, tờ bản đồ 61, toạ lạc tại phường Tân B, thành phố Biên H, tỉnh Đồng Nai. Hiện vẫn do ông Trần Thanh B và bà Nguyễn Thị Thanh Ng đứng tên chủ sở hữu.

Đối với bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 209256 của thửa đất số 142, tờ bản đồ số 61 phường Tân B, thành phố Biên H, tỉnh Đồng Nai ghi nhận cấp cho Trần Thanh B và Nguyễn Thị Thanh Ng vào ngày 05/7/2018 hiện chưa chuyển đổi qua người sử dụng khác, B và Ng khai nhận đã giao dịch và đã thất lạc giấy tờ. Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai cảnh báo giao dịch bằng văn bản số 5047/VPĐK-ĐKTK ngày 19/7/2019. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai đã thông báo truy tìm những người liên quan nếu có sẽ điều tra, làm rõ yêu cầu và xử lý theo quy định pháp luật.

- Công văn số 539/VPĐK-TTTL ngày 02/02/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai xác định: Thửa số 199, tờ bản đồ 61, toạ lạc tại phường Tân B, thành phố Biên H, tỉnh Đồng Nai. Ngày 02/7/2018, đã được ông Trần Thanh B

và bà Nguyễn Thị Thanh Ng chuyển nhượng cho bà Đinh Thị Hồng V, sinh năm 1977, thường trú tại 118/1, khu phố 7, phường Tam H, thành phố Biên H, tỉnh Đồng Nai. (Biên bản ghi lời khai người bị hại anh Phan Ngọc Thám bút lục 479 đến 494; Hoàng Thị T bút lục 495 đến 508; Châu Thiệu K bút lục 510 đến 530; Vũ Thị N bút lục 533 đến 543; Nguyễn Thị Bạch T bút lục 547 đến 554;

Tại Bản kết luận giám định số 706/KLGD ngày 30/7/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai, kết luận hình sự về chữ ký và hình dấu như sau:

1. Chữ ký mang tên Lê Thanh T, Lê Viết H, Huỳnh Văn T, Hoàng Văn D trên các tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định (ký hiệu A1, A2) với chữ ký mang tên Lê Thanh T, Lê Viết H, Huỳnh Văn T, Hoàng Văn D tương ứng trên các tài liệu nêu ở phần mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M12) không phải do cùng một người ký ra.

2. Hình dấu tròn Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai, hình dấu tròn Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh Biên Hòa và hình dấu tròn Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai trên các tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định (đóng dấu ký hiệu A1, A2) với hình dấu tròn Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai, hình dấu tròn Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh Biên Hòa và hình dấu tròn Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai tương ứng trên các tài liệu nêu ở phần mẫu so sánh (được ký hiệu M1 đến M12) không phải do cùng một con dấu đóng ra.

Tại Bản kết luận giám định số 1339/KLGD ngày 21/11/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai, kết luận hình sự về chữ ký và hình dấu như sau:

1. Chữ ký mang tên Trần Văn H, Nguyễn Ng thường và Nguyễn Đình Ngh trên các tài liệu nêu ở phần Mẫu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A3) với chữ ký mang tên Trần Văn H, Nguyễn Ng thường và Nguyễn Đình Ngh tương ứng trên các tài liệu nêu ở phần Mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M6) không phải do cùng một người ký ra.

2. Hình dấu tròn Chi nhánh Biên Hòa - Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai; hình dấu tròn Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai và hình dấu tròn Văn phòng Đăng ký đất đai Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai trên tài liệu nêu ở phần Mẫu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A3) với hình dấu tròn Chi nhánh Biên Hòa - Văn phòng Đăng ký đất đai T. Đồng Nai; hình dấu tròn Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai và hình dấu tròn Văn phòng Đăng ký đất đai Sở Tài nguyên và môi trường T. Đồng Nai tương ứng trên các tài liệu nêu ở phần Mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M6) không phải do cùng một con dấu đóng ra.

Tại Bản kết luận giám định số 654/KLGD ngày 28/4/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai, kết luận hình sự về chữ ký và hình dấu như sau:

1. Hình dấu tròn Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai; Văn phòng Đăng ký đất đai – Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai; Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Biên Hòa trên các tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A7) so với hình dấu tròn Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai; Văn phòng Đăng ký đất đai – Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai; Chi nhánh Biên Hòa - Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai tương ứng trên các tài liệu nêu ở phần mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M30) không phải do cùng một con dấu đóng ra.

2. Chữ ký mang tên Lê Thanh T; Lê Viết H; Nguyễn Ng Th; Nguyễn Đình Ng; Hoàng Văn D; Trần Ngọc H; Huỳnh Văn T trên các tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A8) so với chữ ký mang tên Lê Thanh T Lê Viết H; Nguyễn Ngọc Th; Nguyễn Đình Ngh; Hoàng Văn D; Trần Ngọc H; Huỳnh Văn T tương ứng trên các tài liệu nêu ở phần mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M30) không phải do cùng một người ký ra.

Tại Bản kết luận giám định số 1344/KL-KTHS ngày 08/8/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai, kết luận hình sự về chữ ký và dấu vân tay như sau:

1. Chữ ký và chữ viết mang tên Trần Thanh B, Nguyễn Thị Thanh Ng trên các tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A13) so với chữ ký và chữ viết mang tên Trần Thanh B, Nguyễn Thị Thanh Ng tương ứng trên các tài liệu nêu ở phần mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M7) do cùng một người ký và viết ra.

2. Các điểm chỉ vân tay (được đánh số 1, 7, 11, 15 và số 2, 8, 12, 14, 16) mang tên trên các tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định (ký hiệu A2, A3, A8, A9, 10) so với điểm chỉ vân tay ngón trỏ trái và ngón trỏ phải mang tên Nguyễn Thị hanh Ng trên tài liệu nêu ở phần mẫu so sánh (ký hiệu M9) do cùng một người in ra.

3. Các điểm chỉ vân tay (được đánh số 3, 5, 9, 17 và số 4, 6, 10, 13, 18) mang tên Trần Thanh Bình trên các tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định (ký hiệu A3, A8, A9, A10) so với điểm chỉ vân tay ngón trỏ trái và ngón trỏ phải mang tên Trần Thanh B trên tài liệu nêu ở phần mẫu so sánh (ký hiệu M8) do cùng một người in ra.

- Bà Hoàng Thị T giao nộp:

+ 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 914277, đối với thửa đất số 199, tờ bản đồ số 61 phường Tân B, thành phố Biên H, tỉnh Đồng Nai.

+ 01 (một) Giấy giao nhận tiền, đề ngày 09/7/2018 giữa Hoàng Thị T với Trần Thanh B và Nguyễn Thị Thanh Ng.

+ 01 (một) Hợp đồng chuyển nhượng đề ngày 09/7/2018, được ký kết tại Văn phòng Công chứng Bình Đ, tỉnh Đồng Nai bên chuyển nhượng là Trần Thanh B Nguyễn Thị Thanh Ng bên nhận chuyển nhượng là bà Hoàng Thị T đối với thửa đất số 142, tờ bản đồ số 61 phường Tân B, thành phố Biên H, tỉnh Đồng Nai, ghi nhận tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 209256.

- Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai chuyển giao: 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 209256, đối với thửa đất số 142, tờ bản đồ số 61 phường Tân B, thành phố Biên H, tỉnh Đồng Nai.

- Bà Vũ Thị N giao nộp:

+ 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 209256, đối với thửa đất số 142, tờ bản đồ số 61 phường Tân Biên, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

+ 01 (một) Giấy cam kết, đề ngày 13/5/2019 thể hiện của Trần Thanh B và Nguyễn Thị Thanh Ng.

+ 01 (một) Hợp đồng ủy quyền đề ngày 20/7/2018, Văn phòng Công chứng Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai chứng thực, bên ủy quyền là Trần Thanh B, Nguyễn Thị Thanh Ng bên nhận ủy quyền là bà Vũ Thị N, đối với thửa đất số 142, tờ bản đồ số 61 phường Tân B, thành phố Biên H, tỉnh Đồng Nai, ghi nhận tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 209256.

- Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh thành phố Biên H, tỉnh Đồng Nai chuyển giao các tài liệu liên quan đến bà Nguyễn Thị Bạch T giao nộp.

+ 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 209256, đối với thửa đất số 142, tờ bản đồ số 61 phường Tân B, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

+ 01 (một) Hợp đồng chuyển nhượng đề ngày 09/7/2018, Văn phòng Công chứng Hố Nai, tỉnh Đồng Nai chứng thực, bên chuyển nhượng là Trần Thanh B, Nguyễn Thị Thanh Ng bên nhận chuyển nhượng là bà Nguyễn Thị Bạch T, đối với thửa đất số 142, tờ bản đồ số 61 phường Tân Biên, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, ghi nhận tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 209256 (bản phô tô).

+ 01 (một) Giấy nhận tiền, đề ngày 09/7/2018 của Trần Thanh B, Nguyễn Thị Thanh N (bản phô tô).

Ông Phan Ngọc Th giao nộp:

+ 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 209256, đối với thửa đất số 142, tờ bản đồ số 61 phường Tân B, thành phố Biên H, tỉnh Đồng Nai.

+ 01 (một) Hợp đồng chuyển nhượng đề ngày 06/7/2018, Văn phòng Công chứng Lê T chứng thực, bên chuyển nhượng là Trần Thanh B, Nguyễn Thị Thanh Ng bên nhận chuyển nhượng là ông Phan Ngọc Th, đối với thửa đất số 142, tờ bản đồ số 61 phường Tân B, thành phố Biên H, tỉnh Đồng Nai, ghi nhận tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 209256.

+ 01 (một) Văn bản thỏa thuận, đề ngày 06/7/2018, bên bán là Trần Thanh B, Nguyễn Thị Thanh Ng, bên mua là ông Phan Ngọc Th.

+ 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số C0 771395, đối với thửa đất số 188, tờ bản đồ số 39 phường Tân H, thành phố Biên H, tỉnh Đồng Nai.

+ 01 (một) Hợp đồng chuyển nhượng đề ngày 21/8/2018, Văn phòng Công chứng Lê T chứng thực, bên chuyển nhượng là Trần Thanh B, Nguyễn Thị Thanh Ng, bên nhận chuyển nhượng là ông Phan Ngọc Th, đối với thửa đất số 188, tờ bản đồ số 39 phường Tân H, thành phố Biên H, tỉnh Đồng Nai, ghi nhận tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C0 771395.

+ 01 (một) Văn bản thỏa thuận, đề ngày 21/8/2018, bên bán là Trần Thanh B, Nguyễn Thị Thanh Ng, bên mua là ông Phan Ngọc Th.

+ 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP130320, đối với thửa đất số 38, tờ bản đồ số 62 phường Tân B, thành phố Biên H, tỉnh Đồng Nai.

+ 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP130319, đối với thửa đất số 167, tờ bản đồ số 62 phường Tân B, thành phố Biên H, tỉnh Đồng Nai.

+ 01 (một) Hợp đồng chuyển nhượng đề ngày 05/10/2018, Văn phòng Công chứng Lê T chứng thực, bên chuyển nhượng là Trần Thanh B, Nguyễn Thị Thanh Ng bên nhận chuyển nhượng là ông Phan Ngọc Th, đối với thửa đất số 167, tờ bản đồ số 62 phường Tân B, thành phố Biên H, tỉnh Đồng Nai, ghi nhận tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP130319 và đối với thửa đất số 38, tờ bản đồ số 62 phường Tân B, thành phố Biên H, tỉnh Đồng Nai, ghi nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP130320.

+ 01 (một) Văn bản thỏa thuận, đề ngày 05/10/2018, bên bán là Trần Thanh B, Nguyễn Thị Thanh Ng bên mua là ông Phan Ngọc Thám.

Ông Châu Thiệu K giao nộp:

+ 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 914277, đối với thửa đất số 199, tờ bản đồ số 61 phường Tân B, thành phố Biên H, tỉnh Đồng Nai.

+ 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số C0 771395, đối với thửa đất số 188, tờ bản đồ số 39 phường Tân H, thành phố Biên H, tỉnh Đồng Nai.

+ 01 (một) Hợp đồng ủy quyền đề ngày 07/7/2018, Văn phòng Công chứng Hoàng L, tỉnh Đồng Nai chứng thực, bên ủy quyền là Trần Thanh B, Nguyễn Thị Thanh Ng bên nhận ủy quyền là ông Châu Thiệu K đối với thửa đất số 142, tờ bản đồ số 61, địa chỉ phường Tân B, thành phố Biên H, tỉnh Đồng Nai, ghi nhận tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 209256.

+ 01 (một) Hợp đồng ủy quyền đề ngày 02/8/2018, Văn phòng Công chứng Hoàng L, tỉnh Đồng Nai chứng thực, bên ủy quyền là Trần Thanh B, Nguyễn Thị Thanh Ng bên nhận ủy quyền là ông Châu Thiệu K đối với thửa đất số 188, tờ bản đồ số 39 phường Tân H, thành phố Biên H, tỉnh Đồng Nai, ghi nhận tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C0 771395.

+ 01 (một) Hợp đồng vay tiền đề ngày 15/01/2019, bên vay là Trần Thanh B, Nguyễn Thị Thanh Ng bên cho vay là ông Châu Thiệu K.

+ 01 (một) Giấy cam kết đề ngày 24/4/2019 của Trần Thanh B, Nguyễn Thị Thanh Ng.

- Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh thành phố Biên H, tỉnh Đồng Nai chuyển giao.

+ 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 209256, đối với thửa đất số 142, tờ bản đồ số 61 phường Tân B, thành phố Biên H, tỉnh Đồng Nai.

- Bị cáo Nguyễn Thị Thanh Ng giao nộp: 01 (một) điện thoại di động Iphone 6S, màu bạc, bị bể màn hình, không lên nguồn.

Về trách nhiệm dân sự:

Nguyễn Thị Thanh Ng và Trần Thanh B khai đã trả 870.000.000 đồng cho chị Hoàng Thị T thông qua chồng là anh Trần Văn Kh; trả cho chị Vũ Thị N 1.500.000.000 đồng nhưng không cung cấp được giấy tờ, tài liệu chứng minh. Bà Hoàng Thị T và Trần Văn Kh không thừa nhận đã nhận tiền khắc phục hậu quả từ Nguyễn Thị Thanh Ng và Trần Thanh B.

Bà Vũ Thị Nét thừa nhận sau khi xảy ra vụ án thì B, Ng đã trả lại số tiền 500.000.000 đồng và 01 xe hàng là đồ gỗ thành phẩm trị giá 200.000.000 đồng.

Nguyễn Thị Thanh Ng, Trần Thanh B đã trả 250.000.000 đồng cho anh Phan Ngọc Th.

Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 589 Bộ luật Dân sự, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai tuyên buộc Trần Thanh B và Nguyễn Thị Thanh Ng tiếp tục bồi thường cho anh Phan Ngọc Th, chị Vũ Thị N, chị Hoàng Thị T và anh Châu Thiếu K theo quy định pháp luật.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 213/2024/HS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã quyết định:

1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm a, b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tuyên bố các bị cáo Trần Thanh Bình, Nguyễn Thị Thanh Ng phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

+ Xử phạt: Bị cáo Trần Thanh B 20 (hai mươi) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; 05 (năm) năm tù về tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 25 (hai mươi lăm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 14/01/2024.

+ Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Thanh Ng 18 (mười tám) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; 04 (bốn) năm tù về tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 22 (hai mươi hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 14/01/2024.

Ngoài ra bản án còn tuyên về trách nhiệm dân sự, biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 07 và 08/10/2024 bị cáo Trần Thanh B và Nguyễn Thị Thanh Ng kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; ngày 16/10/2024 bị hại Hoàng Thị T kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt tù đối với các bị cáo

Tại phiên tranh tụng đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh có quan điểm như sau: Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội; các bị cáo dùng giấy tờ giả để ký hợp đồng chuyển nhượng và hợp đồng ủy quyền để chiếm đoạt bị hại 19.710.000.000 đồng nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” là đúng pháp luật. Trong vụ án này bị cáo Ng làm ăn thua lỗ, nảy sinh ý định đặt làm và sử dụng giấy tờ giả để thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền của bị hại; bị cáo Ng phải có mức hình phạt cao hơn bị cáo B mới phù hợp; sau khi phạm tội các bị cáo đã bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại nhưng cấp sơ thẩm chưa áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyệt về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” xuống còn 16 đến 17 năm tù và tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” giữ nguyên 4 năm tù; bị cáo Bình giảm nhẹ hình phạt về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” xuống 15 đến 16 năm tù

và tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” xuống còn 3 đến 3 năm 6 tháng tù.

Xét kháng cáo của bà T đề nghị tăng hình phạt tù đối với các bị cáo thì thấy từ những căn cứ trên không có cơ sở để tăng hình phạt tù đối với các bị cáo, nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà Tâm.

Người bào chữa cho bị cáo Ng và B trình bày: Các bị cáo hoàn cảnh gia đình hiện nay rất khó khăn; sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về việc làm của các bị cáo; các bị cáo đã bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho các bị cáo; thống nhất quan điểm của đại diện Viện kiểm sát giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Bị cáo Ng và B thống nhất với lời bào chữa của luật sư và bổ sung thêm, các bị cáo đã thế chấp hai thửa đất và nhà cho bà Q để vay tiền nhưng khi thế chấp làm hợp đồng chuyển nhượng đây là lỗi của các bị cáo; sau đó bà Q sang nhượng tài sản trên cho ông K để giải quyết phần nợ của các bị cáo nhưng đến nay các bị cáo không có chứng từ để chứng minh là lỗi của các bị cáo, nhưng thực sự đã giải quyết một phần lớn nợ của ông K. Mong Hội đồng xét xử, xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Không ai tham gia tranh tụng thêm, bị cáo B và Ng có lời nói sau cùng: Các bị cáo chỉ mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Đơn kháng cáo của bị cáo Trần Thanh B, Nguyễn Thị Thanh Ng và bị hại Hoàng Thị T đúng luật định, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Bị hại bà Hoàng Thị T có đơn kháng cáo và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Hoàng Thị T.

[3]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trần Thanh B và Nguyễn Thị Thanh Ng:

[3.1]. Do làm ăn kinh doanh thua lỗ dẫn đến nợ nhiều người không có khả năng trả nợ, bị cáo Ng thông qua mạng xã hội đặt làm giả 11 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có thông tin trùng với các thửa đất do bị cáo Ng và B đã đứng tên nhưng đã chuyển nhượng hoặc ủy quyền cho người khác. Từ ngày 06/7/2018 đến ngày 05/10/2018, bị cáo Ng và B đã dùng 11 giấy tờ giả đến các Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai để làm các hợp đồng thế chấp, ủy quyền, chuyển nhượng và chiếm đoạt của các bị

hại tổng số tiền là 19.710.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Ng và B phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự và phạm tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

[3.2]. Hành vi phạm tội của các bị cáo Ng và B là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo chiếm đoạt số tiền đặc biệt lớn, chiếm đoạt của nhiều bị hại, nhiều lần, xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương; hành vi sử dụng 11 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sở hữu nhà giả của cơ quan, tổ chức để thực hiện tội phạm đặc biệt nghiêm trọng; các bị cáo còn xâm phạm đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức, xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính. Sau khi phạm tội, bị cáo Ng và B bỏ trốn và bị bắt theo lệnh truy nã tại tỉnh Lâm Đồng đã gây khó khăn cho công tác điều tra và xử lý vụ án; đến nay mới khắc phục được phần thiệt hại cho các bị hại. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét bị cáo Ng chưa tiền án, tiền sự, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn, là phụ nữ có hai con còn nhỏ, chưa có công ăn việc làm và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ hình phạt tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và xử phạt bị cáo Ng 18 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; 04 năm tù về tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, buộc bị cáo Ng phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 22 năm tù là phù hợp. Đối với bị cáo B, theo các tài liệu Cơ quan điều tra thu thập cũng như lời khai của các bị cáo tại phiên tòa thì giấy tờ giả do bị cáo Ng tự đặt làm; sau khi biết giấy tờ giả bị cáo B không ngăn cản và theo yêu cầu của bị cáo Nguyệt, bị cáo B đã đồng tình, giúp sức sử dụng giấy tờ giả, ký nhận Hợp đồng chuyển nhượng và Hợp đồng ủy quyền để chiếm đoạt tài sản của bị hại. Do đó, xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo B phải thấp hơn bị cáo Ng, dù bị cáo Ng là phụ nữ hoàn cảnh khó khăn thì mức án của bị cáo B cũng không thể cao hơn bị cáo Ng; Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo B 20 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; 05 năm tù về tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 25 năm tù là quá nghiêm khắc so với hành vi của bị cáo Ng trong vụ án, nên cần phải giảm nhẹ cho bị cáo B một phần hình phạt là phù hợp.

[3.3]. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Ng và B cho rằng đã thế chấp thừa số 167 và thừa 38, tờ bản đồ 62, toạ lạc tại phường Tân Biên, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai cho bà Lê Thị Như Q nhằm vay tiền nhưng để làm tin, các bị cáo đã làm thủ tục sang tên hai thửa đất trên cho bà Q. Nay bà Q đã chuyển nhượng hai thửa đất trên cho ông K đã khấu trừ, khắc phục một phần thiệt hại cho ông Kỳ, nhằm để làm cơ sở giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo Ng và B cũng không cung cấp được tài liệu để chứng minh cho lời trình bày và tại Cơ quan điều tra ông K cũng không thừa nhận nội dung trình bày trên của các bị cáo, nên chưa đủ cơ sở để xem xét đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

[4]. Xét kháng cáo của bị hại Hoàng Thị T yêu cầu tăng hình phạt đối với các bị cáo thì thấy: Như nhận định tại phần [3.2] và bà T là người kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới, để làm căn cứ tăng hình phạt đối với các bị cáo nên Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của bà T.

[5]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy lời trình bày của luật sư bào chữa cho bị cáo Ng là chưa có cơ sở nên không được chấp nhận; lời bào chữa cho bị cáo B là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận; quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần; sửa một phần bản án sơ thẩm nên bị cáo Nguyệt và bị hại Tâm phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự.

I. Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Thanh Ng và kháng cáo của bị hại Hoàng Thị T; chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Trần Thanh B; sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 213/2024/HS-ST ngày 26/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai như sau:

Tuyên bố các bị cáo Trần Thanh B, Nguyễn Thị Thanh Ng phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm a và b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Thanh Ng 18 (mười tám) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; 04 (bốn) năm tù về tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 22 (hai mươi hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 14/01/2024.

2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm a và b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Trần Thanh B 17 (mười bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 21 (hai mươi một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 14/01/2024.

(Tiếp tục tạm giam bị cáo B và Ng 45 ngày để bảo đảm thi hành án).

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

II. Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng điểm a, đ và h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Thanh B không phải chịu.

Bị cáo Nguyễn Thị Thanh Ng nộp 200.000 đồng;

Bị hại Hoàng Thị T nộp 200.000 đồng.

III. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai ;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- CA tỉnh Đồng Nai;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai
(để tổng đạt cho bc 1b)
- Lưu, NTTP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Ý

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vương Minh Tâm - Nguyễn Văn Minh

Đặng Văn Ý

